

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 119/2019/DS-ST

Ngày 25/11/2019

“V/v Kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chính.

2. Ông Nông Hữu Dân.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2019/TLST-DS ngày 30/7/2019, về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐXX - DS ngày 01/11/2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 217//2019/QĐST-DS ngày 18/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm L, sinh năm 1968; Địa chỉ: 04/28 Nguyễn Trường T, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn C trình bày có nội dung như sau:

Do được giới thiệu nên vào ngày 02/12/2017, ông C và ông Phạm L có thỏa thuận về việc mua bán gỗ Thông, giá thỏa thuận bằng lời nói 01 tấn, giá 01 triệu đồng, quy cách gỗ dài từ 1,3m đến 2m, đường kính 12cm trở lên đến 20cm. Ông C đã đưa cho ông L 03 lần tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng số tiền này là để đặt cọc mua gỗ, đến chiều ngày 03/12/2017 ông Lợi đã viết cho ông C 01 giấy biên nhận tiền với số tiền nhận 150.000.000 đồng.

Vào ngày 17/12/2017 ông L có giao cho ông C 01 xe gỗ với khối lượng 30 tấn tương đương với số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó, ông L không thực hiện cam kết giao gỗ cho ông C như đã thỏa thuận, mặc dù ông C yêu cầu ông L thực hiện sự thỏa thuận rất nhiều và ông L cũng không trả số tiền còn lại cho ông C là 120.000.000 đồng. Nay do ông L vi phạm nghĩa vụ giao gỗ nên nguyên đơn ông C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông L trả số tiền còn lại đã nhận là 120.000.000 đồng. Về lãi suất, yêu cầu bồi thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại các văn bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm L trình bày có nội dung như sau:

Do có sự giới thiệu nêu vào năm 2017, không nhớ rõ ngày tháng, ông L và ông C có thỏa thuận về việc mua bán gỗ Thông với giá thỏa thuận bằng lời nói là mặt mười hai trở lên dài 2 mét giá 1.600.000 đồng/m³; Hàng 1,3 mét giá 1.100.000 đồng/m³. Ông C đồng ý mua và nói rằng sẽ mua hết số gỗ của ông L khai thác, hai bên thỏa thuận tiền đặt cọc là 150.000.000 đồng, sau đó vì tin tưởng nên ông L viết giấy nhận số tiền 150.000.000 đồng cho ông C giữ nhưng thực tế ông L chưa nhận tiền cọc. Vì vậy, giấy nhận tiền không đề ngày, tháng, viết vào khoảng tháng 12/2017. Sau khi, viết giấy nhận tiền cho ông C buổi tối hôm đó khi đang ăn cơm chung ông C đưa trước 20.000.000 đồng, việc này cũng không lập văn bản giấy tờ gì. Quá trình thực hiện vào khoảng cuối năm 2017 ông L có giao cho ông C số hàng gỗ Thông khoảng 40 tấn, khi giao hàng cho ông C thì hai bên không cân, không lập văn bản giấy tờ gì, 40 tấn giá 1.600.000 đồng/01tấn, thành tiền 64.000.000 đồng, giá này do hai bên chỉ thỏa thuận miệng không ghi văn bản giấy tờ gì. Do tin tưởng nên không ghi bất kỳ giấy tờ gì để chứng minh số hàng giao cho ông C là 40 tấn. Sau đó, do ông C không giao thêm tiền nên hai bên chấm dứt việc mua bán. Như vậy, sau khi cân trừ số tiền ông C đã đưa thì ông C còn nợ ông L 44.000.000 đồng. Nay ông C khởi kiện đòi ông L trả số tiền 120.000.000 đồng thì ông L không đồng ý đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông C. Đối với số tiền ông C còn nợ ông L 44.000.000 đồng, ông L không kiện phản tố, không có giấy tờ chứng minh nên ông L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều Điều 163, Điều 166 và Điều 170 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và phạm vi yêu cầu khởi: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, căn cứ đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết một yêu cầu là buộc bị đơn trả số tiền 120.000.000 đồng, về lãi suất không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật và phạm vi yêu cầu khởi “Kiện đòi tài sản”.

[2] Về nội dung vụ án: Do được giới thiệu nên vào năm 2017, ông C và ông Phạm L có thỏa thuận về việc mua bán gỗ Thông, giá, quy cách, thỏa thuận bằng miệng không lập văn bản giấy tờ gì. Vào khoảng tháng 12/2017 ông L có viết cho ông C 01 giấy biên nhận với nội dung nhận của ông C số tiền 150.000.000 đồng, giấy này không ghi ngày tháng năm. Sau đó, ông L có giao cho ông C 01 xe gỗ Thông sau đó không giao nữa, nên các bên xảy ra tranh chấp kéo dài tới nay.

[3] Xét với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả số tiền 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận với nhau về việc mua bán gỗ Thông, số lượng, quy cách, giá, chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập văn bản giấy tờ gì. Trong quá trình thực hiện bị đơn có viết 01 giấy biên nhận tiền với nội dung: “*Tên tôi là phạm l, sinh năm 1968 số CMND 240293476 cấp ngày 22/7/2017, nơi cấp Công an Đắk Lắk, nơi thường trú tổ 6, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tôi có nhận của Đặng Văn C Địa chỉ thôn 14, E tổng cộng 150.000.000 đồng ...*” giấy này có chữ ký của bên giao ông Đặng Văn C, bên nhận Phạm L, quá trình giải quyết vụ án ông Phạm L thừa nhận giấy này là do ông L viết, ký ra, giấy viết vào khoảng tháng 12/2017 tại đường Mai Xuân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, sau khi viết đưa cho ông C giữ việc này chỉ diễn ra giữa ông C và ông L không có sự chứng kiến của ai, điều này trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất, không ai phản đối gì. Quá trình, thực hiện sự thỏa thuận ông L đã giao cho ông C 01 xe gỗ Thông 30 tấn tương đương 30.000.000 đồng thể hiện tại 02 phiếu cân do ông C cung cấp.

[4] Xét ý kiến của bị đơn ông L thừa nhận có thỏa thuận với ông C về việc mua bán gỗ Thông, số lượng, giá, quy cách chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập văn bản giấy tờ gì. Vào khoảng tháng 12/2017 ông L có viết cho ông C 01 giấy biên nhận với nội dung nhận của ông C số tiền 150.000.000 đồng, giấy này không ghi ngày tháng

năm. Nhưng chỉ viết giấy chứ không có nhận số tiền 150.000.000 đồng, mà chỉ nhận của ông C 20.000.000 đồng. Sau đó, ông L có giao cho ông C 01 xe gỗ Thông 40 tấn, giá 1.600.000 đồng/01tấn, thành tiền 64.000.000 đồng nhưng ông L không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình, nguyên đơn không thừa nhận.

[5] Như vậy, từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng. Về lãi suất, yêu cầu bồi thường nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng đã giao cho nguyên đơn là 40 tấn gỗ Thông, tương đương với số tiền 64.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền nguyên đơn đã đưa thì nguyên đơn còn phải thanh toán lại cho bị đơn số tiền chênh lệch 44.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình, nguyên đơn không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/ 0002050 ngày 23/7/2019.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 163, Điều 166 và Điều 170 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn C.

Buộc bị đơn ông Phạm L có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn ông Đặng Văn C số tiền 120.000.000 đồng. Về lãi suất, yêu cầu bồi thường nguyên đơn ông Đặng Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Phạm L phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Đặng Văn C 3.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị M đã nộp thay tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0002050 ngày 23/7/2019.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh

